TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU** Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST Ngày: 13-8-2018 V/v: ly hôn giữa chị N và anh V	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ,TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Chúc

Bà Nguyễn Thị Thương

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Mai -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lư Thị Kim N, sinh năm: 1986, "có mặt"

Địa chỉ: tổ 7 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quang V, sinh năm: 1981, "vắng mặt"

HKTT: tổ 7 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lư Thị Kim N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị Lư Thị Kim N và anh Nguyễn Quang V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ vào năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với gia đình chị N tại tổ 7 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V đam mê cờ bạc dẫn đến thiếu nợ nhiều người, vợ chồng phải bán tài sản để trả nợ rất nhiều lần nhưng anh V vẫn không từ bỏ. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, xô xát với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không còn hạnh phúc. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không gặp mặt nhau nhưng có liên lạc qua điện thoại, mỗi lần nói chuyện là cải vả với nhau nên cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay, chị N yêu cầu ly hôn anh V.

- *Về nuôi con chung*: Chị N và anh V có 01 người con chung là Nguyễn Lư Thảo V, sinh ngày 31-12-2010, hiện nay đang ở với chị N, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên tòa, chị N rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Quang V vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cũng như giấy triệu tập anh V đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh V không đến và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, không có yêu cầu phản tố.

3. Tại Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của chị N và anh V tại địa phương vào ngày 08-5-2018 thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, nhưng hiện nay hai người đã ly thân và chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng con.

4. Tại biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Lư Thảo V trình bày: Khi cha mẹ ly hôn, cháu V có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

5. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Nguyễn Quang V không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa sơ thẩm là không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

- Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị N xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Nguyễn Quang V đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V.

- Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ngày 30-3-2018, chị N có các yêu cầu sau: Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh V; về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Lư Thảo V,

sinh ngày 31-12-2010 và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đồng; Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Nay, tại phiên tòa chị N rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị N nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 235, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị Lư Thị Kim N và anh Nguyễn Quang V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số I/2003 vào ngày 24-6-2011. Do đó, xác định hôn nhân của chị N và anh V là hợp pháp. Nay chị N xin ly hôn với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Qua yêu cầu của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy từ sau khi vụ án được thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với ông V đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh V vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ anh V không có trách nhiệm đối với hôn nhân của mình, không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh V.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Chị N và anh V có 01 con chung là Nguyễn Lư Thảo V, sinh ngày 31-12-2010. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù không ghi nhận được ý kiến của anh V về nuôi con chung nhưng hiện tại chị N đang nuôi dưỡng con và cháu V có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Việc chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N xác định không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 235, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu anh Bùi Quang V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Về hôn nhân: Chị Lư Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Quang V.

4. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Lư Thảo V, sinh ngày 31-12-2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

5. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

6. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

7. Về án phí:

- Chị Lư Thị Kim N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008242 ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Nguyễn Quang V không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự,thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND TT Đ, huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung